TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2020/DS-PT
Ngày 02-6-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Toà án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 263/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Văn M1, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã NC, huyện BL, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1961;

2.2. Chị Huỳnh Thị Bé T1, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Huỳnh Công D, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 04/3/2019, ngày 04/4/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A: Luật sư Nguyễn Văn T2 – Chi nhánh Công ty Luật hợp danh LV, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1956;

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã VB, huyện VH, tỉnh Long An;

3.2. Ông Huỳnh Công D, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An;

3.3. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1982;

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã MT, huyện TT, tỉnh Long An;

3.4. Bà Huỳnh Thị Thùy M2, sinh năm 1996;

Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An;

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Phan Thị L, sinh năm 1950;

Địa chỉ cư trú: Ấp NT, xã NTT, thành phố TA, tỉnh Long An.

4.2. Ông Nguyễn Công T3, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Văn M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 31 tháng 01 năm 2019 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn ông Trương Văn M1:

Ông M1 là chủ sử dụng thửa đất số 452, tờ bản đồ số 8, diện tích 670,2m^2 tọa lạc tại ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này ông M1 nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Công T3 vào năm 2008. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông trồng hoa màu trên đất. Giáp ranh với thửa đất của ông là thửa đất số 435 của bà Nguyễn Thị Ngọc A và thửa 616 của chị Huỳnh Thị Bé T1. Năm 2017, khi ông xây hàng rào mới thì phát hiện bà A và chị Thi xây hàng rào lấn qua phần đất của ông.

Nay ông M1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A và chị Huỳnh Thị Bé T1 tháo dỡ hàng rào trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 26,1m^2 (vị trí A diện tích 1,5m^2, vị trí B diện tích 0,3m^2, vị trí C diện tích 24,3m^2) thuộc thửa đất số 452, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An. Theo Mảnh trích đo địa chính số 185-2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019.

Theo biên bản hòa giải ngày 07/11/2019 và ngày 20/11/2019, ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc A và chị Huỳnh Thị Bé T1 trả phần diện tích đất tại các vị trí A, B, C, D có tổng diện tích 29,9m^2. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông bà A, chị Thi trả lại phần diện tích đất tại các vị trí A, B, C (26,1m^2).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A do ông Huỳnh Công D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 435, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An là do bà Nguyễn Thị Ngọc A nhận chuyển nhượng từ anh ruột là ông Nguyễn Công T3 từ năm 1995. Từ năm 1998 bà A làm ruộng, năm 1999-2000 bà A cất nhà và xây hàng rào kiên cố. Giáp ranh thửa đất của bà A là đất của ông T3. Sau đó, ông T3 chuyển nhượng thửa đất 452 cho ông M1. Khi ông M1 mua đất của ông T3 thì hàng rào ranh giới của bà A đã có. Bà A đồng ý với Mảnh trích đo địa chính số 185 – 2019 duyệt ngày 05/8/2019 và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện TT ngày 07/11/2019. Nay ông M1 khởi kiện yêu cầu bà A cùng bà Thi trả lại diện tích đất lấn chiếm là 26,1m^2 (tại các vị trí A, B, C) theo Mảnh trích đo địa chính số 185-2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019, bà A không đồng ý vì không có lấn đất của ông M1.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé T1 do ông Huỳnh Công D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị Huỳnh Thị Bé T1 người sử dụng thửa đất số 616, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này chị được mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc A tặng cho. Thửa đất của chị giáp ranh với thửa đất số 452 của ông M1 đã có hàng rào kiên cố được xây từ năm 1999-2000 cho đến nay.

Nay ông M1 khởi kiện yêu cầu chị Thi cùng bà A trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích là 26,1m^2 (vị trí A, B, C) theo Mảnh trích đo địa chính số 185-2019 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019, chị Thi không đồng ý vì không có lấn đất của ông M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C trình bày: Ông là chồng của bà Huỳnh Thị Ngọc A, thống nhất với lời trình bày của bà A, không bổ sung ý kiền gì thêm. Nay ông M1 khởi kiện yêu cầu bà A cùng chị Thi trả lại phần diện tích đất lấn chiếm là 26,1m^2 (vị trí A, B, C) theo Mảnh trích đo địa chính số 185-2019 ngày 05/8/2019), ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công D trình bày: Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc A, thống nhất với lời trình bày của bà A, chị Thi, không bổ sung ý kiến gì và không có tranh chấp gì trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thùy M2 thông qua người đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Công D trình bày: Chị Mỹ là con ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc A, thống nhất với lời trình bày của bà A, không bổ sung ý kiến gì và cũng không có tranh chấp gì trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P thông qua người đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Công D trình bày: Anh Nguyễn Hữu P là chồng của chị Huỳnh Thị Bé T1, thống nhất với lời trình bày của chị Thi, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người làm chứng bà Phan Thị L trình bày: Bà biết việc bà A xây hàng rào vào năm 2003. Lúc đó ông M1 chưa nhận chuyển nhượng đất của ông T3, ngoài ra bà không trình bày ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm, đồng thời vẫn giữ ý kiến như nội dung của vụ án.

Các bên không thoả thuận được.

Ngày 31/01/2019, ông Trương Văn M1 khởi kiện.

Ngày 26/02/2018, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án.

Ngày 27/8/2019, Tòa án nhân dân huyện TT tạm đình chỉ chờ cung cấp chứng cứ.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 Tòa án nhân dân huyện TT đã áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Khoản 1 Điều 100, Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả lại cho ông Trương Văn M1 phần đất diện tích đất tại vị trí C diện tích 24,3m^2 theo mảnh trích đo số 185-2019 do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019 thuộc một phần thửa đất số 452, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An bằng giá trị là 20.655.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Quá thời hạn trên và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trương Văn M1, nếu chậm thi hành bà Nguyễn Thị Ngọc A còn phải trả thêm tiền lãi cho ông Trương Văn M1 theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M1 yêu cầu bà Huỳnh Thị Bé T1 trả lại phần diện tích đất tại vị trí A, B theo mảnh trích đo số 185-2019 do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 1.032.750đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Văn M1 phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí 600.000đ đã nộp theo biên lai số 0006736 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT. Hoàn trả cho ông Trương Văn M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn thừa 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 9.182.000đ chi phí đo đạc, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ. Do ông M1 đã nộp 7.000.000đ nên buộc bà A phải nộp 7.000.000đ để hoàn trả cho ông M1.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trương Văn M1 nếu chậm thi hành các khoản tiền nêu trên, bà Nguyễn Thị Ngọc A còn phải trả thêm tiền lãi cho ông Trương Văn M1 theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/12/2019, ông Trương Văn M1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà A và chị Thi tháo dỡ hàng rào trả đất.

Tại Toà phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Trương Văn M1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo. Ông Trương Văn M1 yêu cầu bà A và chị Thi đập bỏ hàng rào và vật kiến trúc trả lại hiện trạng ranh đất ban đầu. Đất ông nhận chuyển nhượng của ông T3 hai đầu ngang 8m, đất có hình chữ nhật, ranh đất là đường thẳng nhưng khi bên bà A xây hành rào và cho đất cho con cất nhà đã lấn sang thửa đất của ông.

Năm 2010, bà A xây một phần tường rào nhưng ông không biết lấn sang đất của ông nên không có tranh cản hay thưa kiện. Khi bà A yêu cầu ký giáp ranh, ông có ký nhưng khi bà A cất nhà cho con bà A thì ông không có ký.

Phía bà A trình bày xây hàng rào trước khi ông nhận chuyển nhượng đất của ông T3 là không đúng, đề nghị làm rõ hàng rào xây khi nào. Ông nhận chuyển nhượng đất năm 2008, nếu khi đó đã có hàng rào thửa đất không ngay thẳng ông đã không nhận chuyển nhượng. Mục đích để có thể tạo nơi ở mới hoặc cho lại các con. Năm 2017, khi làm hàng rào, ông mới biết bà A xây hàng rào đã lấn chiếm đất ông ở đoạn giữa và cho con là bà Thi xây nhà làm đà kiềng lấn qua đất ông.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Huỳnh Công D trình bày: Khi bà A xây hàng rào, ông T3 có chỉ ranh và có người biết sự việc. Sau đó mới cho chị Thi cất nhà. Nếu không ký giáp ranh thì không thể hoàn công. Khi ông M1 xây hàng

rào vào năm 2017 bị ông T3 ngăn cản ông mới cho rằng bà A lấn chiếm đất và tranh kiện.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho các bị đơn tranh luận: Bà A sử dụng thửa đất 435 chuyển nhượng của ông T3 từ năm 1995. Sau đó bà A cất nhà và làm hàng rào kiên cố. Ông M1 sử dụng thửa 452 cũng chuyển nhượng đất từ ông T3 năm 2008. Khi bà A xây hàng rào, bên ông M1 không ngăn cản hay có ý kiến. Hai bên sử dụng đất ổn định. Năm 2017, ông M1 cho rằng bà A lấn chiếm đất làm hàng rào và khởi kiện. Hiện nay trên đất bà A xây hàng rào kiên cố. Án sơ thẩm xác định bà A có xây tường rào qua thửa 452 nên buộc trả giá trị. Ông M1 kháng cáo yêu cầu phá bỏ hàng rào là không phù hợp thực tế vì hàng rào có giá trị lớn hơn giá trị đất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Cả bà A và ông M1 đều nhận chuyển nhượng đất từ ông T3. Thời điểm ông M1 chuyển nhượng chỉ xác định ranh hai đầu thửa đất 452 ngang 8m mà không cắm ranh dọc theo thửa 435 của bà A. Khi bà A làm hàng rào kiên cố, ông M1 cũng không phát hiện hàng rào lấn đất bên ông nên không ngăn cản. Đến năm 2017, khi ông làm hàng rào lấn sang đất ông T3 không được ông T3 chấp nhận nên kiểm tra phát hiện thiếu 8m ngang ở đoạn bà A làm hàng rào, từ đó phát sinh tranh chấp. Căn cứ Mảnh trích đo cho thấy phía bà A có lấn ranh sang thửa đất của ông M1 nhưng do hàng rào kiên cố giá trị lớn, nên giữ nguyên hiện trạng, buộc trả giá trị là có tình có lý.

Đối với phần vị trí A, B thuộc thửa 616 của chị Thi. Khi làm nhà chị Thi có đổ móng lấn sang thửa đất ông M1 nên hiện trạng ranh đất cũng không thẳng. Ông M1 cũng thừa nhận việc lấn sang ông không biết để ngăn cản. Xét bên chị Thi xây nhà kiến cố, diện tích lấn không nhiều nên đề nghị buộc trả giá trị để đảm bảo quyền lợi ông M1. Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Trương Văn M1 kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt, áp dụng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử. Việc ủy quyền của các bị đơn cho ông D hợp lệ được chấp nhận.

[1.2] Nguyên đơn ông M1 khởi kiện yêu cầu bà A, chị Thi trả diện tích đất lấn chiếm thuộc quyền sử dụng của ông. Các bị đơn không đồng ý có lấn đất, Tòa án nhân dân huyện TT xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất" thụ lý, xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3] Ông M1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, áp dụng Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, cấp phúc thẩm xét xử trong phạm vi có kháng cáo.

[2] Về kháng cáo của ông Trương Văn M1.

[2.1] Ông M1 là người sử dụng thửa đất số 452, tờ bản đồ số 8, diện tích 670,2m^2 tọa lạc ấp BĐ, xã MB, huyện TT, tỉnh Long An. Đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Công T3 vào năm 2008.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Ngọc A là người sử dụng thửa đất số 435 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ anh ruột là ông Nguyễn Công T3, diện tích 1.343,6m^{2}vào năm 1995.

[2.3] Chị Huỳnh Thị Bé T1 là người sử dụng thửa 616 được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Ngọc A cho, tách từ thửa 435 có diện tích 150m^2 ngang 10m dài 15m vào năm 2009, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010.

[2.4] Việc cấp quyền sử dụng đất cho các đương sự có đo đạc diện tích cụ thể và xác định tứ cận.

[2.5] Căn cứ vào Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 185-2019 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05 tháng 8 năm 2019, diện tích đất 24,3m (vị trí C) thuộc thửa 452 ông M1 được cấp quyền sử dụng đất. Đối chiếu diện tích đất thửa 435 thuộc quyền sử dụng đất của bà A thừa 24,3m ở vị trí C. Cho nên án sơ thẩm xác định bà A lấn chiếm đất của ông M1 là có căn cứ.

[2.6] Đối với quyền sử dụng đất của chị Thi, mặc dù diện tích đất thửa 616 ranh đất không thay đổi nhưng vị trí A 1,5m^2 và vị trí B 0,3m^2 theo Mảnh trích đo thuộc thửa 452. Án sơ thẩm nhận định diện tích đất không chênh lệch nên bác yêu cầu của ông M1 là không đúng. Vì căn cứ quyền sử dụng đất ông M1 được cấp và theo Trích đo bản đồ địa chính vị trí tiếp giáp của thửa 350 cũ (452 mới) của Mỹ và thửa 42 cũ (435 mới) của bà A là một đường thẳng. Diện tích đất của ông M1 ngang 8m dài một cạnh 85,7 và 96,4m. Theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 05/8/2019 ranh đất giữa thửa 452 và 435 khi bà A và chị Bé T1 đã xây hàng rào ở vị trí A, B và C ranh đất là một đường không thẳng và phần xây lấn ranh thuộc thửa 452. Điều này phù hợp trình bày của ông T3 khi chuyển nhượng cho bà A ông không xác định ranh đất tới chân hàng rào vì khi đó bà A chưa xây hàng rào.

[3] Hiện nay ông M1 đã được công nhận quyền sử dụng đất thửa 452 trong đó có phần diện tích đang tranh chấp nên căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 quyền sử dụng đất của ông M1 phải được bảo vệ. Điều 246 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Việc thực hiện quyền đối với bất động sản liền kề được xác lập theo địa thế tự nhiên,

theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận. Tuy nhiên, do ông M1 và phía bà A, chị Thi không thoả thuận ranh khi làm hàng rào. Nay ranh đất là hàng rào kiến cố có giá trị lớn, khi thiết lập ông M1 cũng không biết nên không tranh cản cho nên giữ nguyên hiện trạng buộc Huỳnh Thị Bé T1, buộc trả giá trị đất ở vị trí A và B cho ông M1.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 25/10/2019 của Công ty Hồng Đức diện tích đất vị trí A 1,5m^2 là 4.500.000đ; diện tích vị trí B 0,3m^2 là 900.000đ. Tổng cộng là 5.400.000đ.

[4] Không chấp nhận kháng cáo của ông M1 yêu cầu đập tường trả đất. Các bên đương sự được quyền kê khai, điều chỉnh diện tích đất cho phù hợp thực tế sử dụng theo khoản 2 Điều 170 Luật đất đai 2013.

[5] Chấp nhận một phần kháng cáo của ông M1, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bé T1 chịu 300.000đ. Án phí dân sự phúc thẩm, kháng cáo được chấp nhận, ông M1 không phải chịu. Hoàn trả tiền tậ ứng án phí đã nộp.

[7] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn M1

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số số 53/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 Tòa án nhân dân huyện TT.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M1 đối với bà Nguyễn Thị Ngọc A và chị Huỳnh Thị Bé T1 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A trả cho ông Trương Văn M1 số tiền 20.655.000đ giá trị diện tích 24,3m^2 có vị trí C theo mảnh trích đo số 185-2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019.

1.2. Buộc chị Huỳnh Thị Bé T1 trả lại cho ông Trương Văn M1 số tiền 5.400.000đ giá trị đất tại vị trí A diện tích 1,5 m^2 và vị trí B diện tích 0,3m^2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M1 buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A tháo dỡ hàng rào trả diện tích 24,3m^2 vị trí C; buộc chị Huỳnh Thị Bé T1 tháo dỡ hàng rào trả đất ở vị trí A diện tích 1,5m^2, B diện tích 0,3m^2 cùng thuộc thửa 452, tờ bản đồ số 8 theo Mảnh trích đo số 185-2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 05/8/2019.

3. Các bên đương sự được kê khai, chỉnh lý quyền sử dụng đất theo thực tế sử dụng căn cứ vào quyết định của bản án Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

4.Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: 9.182.000đ. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu toàn bộ. Bà A đã nộp 2.182.000đ; ông Trương Văn M1 đã nộp 7.000.000đ. Buộc bà A phải nộp 7.000.000đ để hoàn trả cho ông M1.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người đươc thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự 2015.

6.Về án phí:

6.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 1.032.750đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Chị Huỳnh Thị Bé T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.3. Ông Trương Văn M1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí 600.000đ đã nộp theo biên lai số 0006736 ngày 26/02/2019. Hoàn trả cho ông M1 300.000đ

Ông Trương Văn M1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000đ theo biên lai số 0007086 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

7. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Kim Nga - Lê Thị Bích Tuyền **Trần Văn Quán**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quán